| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH LẠNG SƠN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

**ĐỀ ÁN**

**Vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Lạng Sơn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 325 /QĐ-UBND ngày 08 /02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

## I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực thông tin và truyền thông. Việc xây dựng vị trí việc làm của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Lạng Sơn (sau đây viết tắt là Đài PTTH tỉnh) nhằm xác định số lượng người làm việc gắn với từng vị trí việc làm đối với Đài PTTH tỉnh Lạng Sơn, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn nhân lực, bố trí số lượng người làm việc, phù hợp với cơ cấu tổ chức, bộ máy của Đài PTTH tỉnh, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Đề án vị trí việc làm là cơ sở để thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng viên chức có đủ tiêu chuẩn đảm đương công việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức. Do đó, việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Đài PTTH tỉnh là cần thiết.

## II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

3. Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKCN-BNV, ngày 01/10/2014 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.

5. Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT, ngày 29/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

6. Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN, ngày 20/01/2020 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ khoa học và công nghệ và Bộ trưởng bộ nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.

7. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

8. Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

9. Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

10. Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT, ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

11. Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT, ngày 30/6/2022 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

12. Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT, ngày 26/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

13. Thông tư số 07/2022/TT-BNV ngày 31/8/2022 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, thi hoặc xét thăng hạng, bổ nhiệm và xếp lương viên chức chuyên ngành lưu trữ.

14. Thông tư số 14/2022/TT-BKHCN ngày 11/10/2022 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TT-TTLT-BKHCN-BNV, ngày 01/10/2014 của Bộ Trưởng Bộ KH&CN và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20/01/2020 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

15. Thông tư số 12/2022/TT-BNV, ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ; phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

16. Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL, ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa.

17. Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT, ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực thông tin và truyền thông.

18. Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL, ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

19. Thông tư số 17/2023/TT-BKHCN ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

20. Văn bản số 64/BNV-CCVC, ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức.

21. Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Lạng Sơn.

## III. THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP

| TT | Nhóm công việc | Thống kê công việc |
|---|---|---|
| 1 | Lãnh đạo, quản lý, điều hành | - Lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện chức trách nhiệm vụ, quyền hạn được giao, việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và toàn bộ hoạt động của Đài PTTH tỉnh.<br>- Tổ chức triển khai nhiệm vụ của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được cấp có thẩm quyền giao; Chỉ đạo xây dựng các chương trình, kế hoạch theo tuần, quý, tháng, năm; Đề án, dự án và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền; Quyết định kế hoạch sản xuất chương trình, định hướng biên tập và đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; cơ sở vật chất kỹ thuật; xây dựng định hướng phát triển của Đài PTTH tỉnh.<br>- Duyệt các Bản tin, phóng sự, phim tài liệu, các chuyên mục, chuyên đề, chương trình phát thanh, truyền hình trực tiếp,… và các chương trình khai thác qua vệ tinh.<br>- Ký các văn bản trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan cấp trên và các văn bản quản lý theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đài PTTH tỉnh.<br>- Trực tiếp xử lý các văn bản đến hoặc giao nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn, viên chức liên quan thực hiện.<br>- Quản lý, điều hành và quyết định theo thẩm quyền về tổ chức bộ máy; về công tác tuyển dụng, bố trí sắp xếp, luân chuyển, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đánh giá xếp loại, bình xét thi đua khen thưởng, kỷ luật; các chế độ chi trả tiền lương, nhuận bút và các chế độ đãi ngộ đối với viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật.<br>- Quản lý, sử dụng viên chức, người lao động theo phân cấp của cấp có thẩm quyền.<br>- Quản lý cơ sở vật chất, vật tư, tài sản và tài chính theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của cấp có thẩm quyền, phục vụ tốt cho hoạt động thường xuyên của Đài PTTH tỉnh.<br>- Triệu tập và chủ trì các cuộc họp, hội nghị, hội thảo thường xuyên hoặc đột xuất thuộc chức năng, nhiệm vụ của Đài PTTH. Tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo theo yêu cầu.<br>- Chỉ đạo thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước có liên quan đến lĩnh vực thông tin truyền thông; chỉ đạo thực hiện tốt nội quy, quy chế, quy định của Đài PTTH |

| TT | Nhóm công việc | Thống kê công việc |
|---|---|---|
| | | tỉnh.<br>- Chỉ đạo nghiên cứu khoa học và ứng dụng các thành tựu kỹ thuật, công nghệ thuộc lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật chuyên ngành phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật. |
| 2 | Công việc chuyên môn nghiệp vụ và chuyên môn dùng chung | |
| 2.1 | Sản xuất và phát sóng chương trình phát thanh - truyền hình – trang thông tin điện tử tổng hợp | - Xây dựng nội dung tin, bài, chương trình, chuyên mục…bằng tiếng Việt, bằng các tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài theo quy định của pháp luật.<br>- Kiểm duyệt kịch bản, đảm bảo nội dung chương trình phù hợp, đúng quy định về chủ đề phát sóng.<br>- Bố trí nhân lực, phương tiện sản xuất, sắp xếp địa điểm, thời gian thực hiện các khâu tiền kỳ, hậu kỳ, phát sóng.<br>- Quay và ghi hình. (sử dụng máy quay, xe truyền hình lưu động, studio truyền hình, khai thác qua đường truyền vệ tinh hoặc cáp quang…)<br>- Thực hiện các chương trình truyền hình trực tiếp (tín hiệu được truyền tới phòng tổng khống chế để phát sóng).<br>- Biên tập, dựng hình, chỉnh sửa, lồng tiếng theo kịch bản chương trình.<br>- Duyệt, kiểm tra nội dung, đảm bảo chất lượng chương trình trước khi phát sóng.<br>- Tổ chức thu âm, dựng, hòa âm chương trình phát thanh trực tiếp/hằng ngày.<br>- Quản lý, biên tập các tin, bài, audio-video clip, các chương trình phát thanh, truyền hình do Đài PTTH tỉnh sản xuất trên trang thông tin điện tử tổng hợp langsontv.vn; Khai thác các tin, bài, ảnh, chương trình từ các trang mạng khác đã được cấp phép, biên tập phục vụ cho trang thông tin điện tử tổng hợp langsontv.vn của Đài PTTH tỉnh.<br>- Phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam (TNVN), Đài Truyền hình Việt Nam (THVN) sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình phát sóng trên sóng Đài quốc gia. |

| TT | Nhóm công việc | Thống kê công việc |
|---|---|---|
| 2.2 | Vận hành, quản lý, khai thác hệ thống kỹ thuật chuyên ngành, truyền dẫn tín hiệu và phát sóng | - Vận hành, quản lý hệ thống lưu trữ, sản xuất chương trình truyền hình và hệ thống máy sản xuất chương trình phát thanh, hệ thống máy tính và các thiết bị liên quan, phần mềm dùng chung của Đài PTTH tỉnh.<br>- Vận hành, quản lý, khai thác hệ thống truyền dẫn tín hiệu phát sóng của Đài TNVN, Đài THVN, Đài PTTH tỉnh Lạng Sơn với các phương thức truyền dẫn tín hiệu qua vệ tinh, viba, cáp quang và trên nền tảng Internet…<br>- Thực hiện phát sóng, tiếp sóng các chương trình phát thanh, truyền hình.<br>- Thực hiện đo đạc, kiểm tra chất lượng thiết bị theo định kỳ; thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp, lắp đặt thiết bị phục vụ cho yêu cầu truyền dẫn tín hiệu và phát sóng.<br>- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng hệ thống anten, phi đơ, hệ thống chống sét, kiểm tra chất lượng của máy phát và thiết bị liên quan đến hệ thống TVRO, Baseband, hệ thống giám sát an ninh phòng cháy nổ an toàn lao động.<br>- Trực tiếp xử lý sự cố kỹ thuật; phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác để bảo đảm an toàn của hệ thống kỹ thuật.<br>- Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật liên quan đến phát thanh, truyền hình đối với các Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông các huyện theo quy định của pháp luật. |
| 2.3 | Hoạt động quảng cáo, kinh doanh, dịch vụ | - Thực hiện các lĩnh vực quảng cáo, công tác marketing quảng bá của Đài PTTH tỉnh.<br>- Tìm kiếm, liên hệ khách hàng (tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân); tiếp nhận quảng cáo/đăng tin, tư vấn dịch vụ, chăm sóc khách hàng nhằm tăng cường giới thiệu, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của Đài để thu hút quảng cáo và tài trợ cho các chương trình.<br>- Dự thảo và thực hiện hợp đồng tuyên truyền, hợp đồng dịch vụ; xây dựng quy chế phối hợp; kiểm tra đảm bảo tính pháp lý cần thiết về nội dung thông tin quảng cáo trên sóng của Đài PTTH tỉnh đảm bảo chất lượng và đúng quy định.<br>- Sản xuất các chương trình thông tin quảng cáo bằng hình ảnh, bằng chữ, bằng lời cho các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân hàng ngày, phát trên sóng phát thanh, truyền hình, trang thông tin điện |

| TT | Nhóm công việc | Thống kê công việc |
|---|---|---|
| | | tử tổng hợp langsontv.vn của Đài PTTH tỉnh.<br>- Theo dõi nguồn thu, đôn đốc khách hàng thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế.<br>- Phối hợp với phòng nghiệp vụ khác, thực hiện Khai thác chương trình bản tin tiếng Trung Quốc từ Trung tâm truyền hình Thông tấn xã; chương trình khoa giáo, khám phá, mua bản quyền phim truyện. Kiểm tra định dạng phim, chương trình khai thác đảm bảo phù hợp kỹ thuật phát sóng hàng ngày. |
| 2.4 | Hành chính tổng hợp, văn thư – lưu trữ, tài chính - kế toán | - Xây dựng, tham mưu, trình phê duyệt các chương trình công tác, đề án, kế hoạch, quy chế, quy trình… liên quan đến hoạt động của Đài PTTH tỉnh.<br>- Dự thảo, trình dự thảo báo cáo, góp ý, thống kê định kỳ, đột xuất, theo yêu cầu của các sở, ban, ngành.<br>- Thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động cơ quan; công tác bảo vệ bí mật nhà nước.<br>- Tham mưu công tác tổ chức bộ máy, công tác nhân sự, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật; tham mưu thực hiện công tác tuyển dụng, đánh giá, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều chuyển viên chức, người lao động.<br>- Tham mưu, tổ chức thực hiện chế độ chính sách, tài chính tài sản, đảm bảo thu chi cân đối nguồn kinh phí nhà nước cấp, nguồn thu hợp pháp khác, với chi nghiệp vụ, hành chính, tiền lương, tiền công,…bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác đối với viên chức và người lao động.<br>- Tổng hợp thực hiện chế độ nhuận bút trong hoạt động báo chí của cơ quan.<br>- Theo dõi quá trình triển khai công việc của các Phòng và báo cáo lãnh đạo về tiến độ, chất lượng thực hiện.<br>- Quản lý tài chính, tài sản, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, cơ sở hạ tầng của cơ quan (đầu tư, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa, công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ…), phục vụ công tác của cơ quan đảm bảo đúng chế độ, chính sách Nhà nước quy định.<br>- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ nội bộ; quản lý tài liệu, hồ sơ; công tác thông tin liên lạc; in ấn, sao chụp văn bản, tài liệu… phục vụ hoạt động của Đài PTTH tỉnh; tổ chức thực hiện công tác |

| TT | Nhóm công việc | Thống kê công việc |
|---|---|---|
| | | lễ tân phục vụ quan hệ đối nội, đối ngoại của Đài PTTH tỉnh. |

## IV. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

**1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 04 vị trí.**

1.1. Vị trí Giám đốc

1.2. Vị trí Phó Giám đốc

1.3. Vị trí Trưởng phòng

1.4. Vị trí Phó Trưởng phòng

**2. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 24 vị trí.**

2.1. Vị trí Biên tập viên hạng II

2.2. Vị trí Phóng viên hạng II

2.3. Vị trí Công nghệ thông tin hạng II

2.4. Vị trí Kỹ sư chính

2.5. Vị trí Biên tập viên hạng III

2.6. Vị trí Phóng viên hạng III

2.7. Vị trí Biên dịch viên hạng III

2.8. Vị trí Đạo diễn truyền hình hạng III

2.9. Vị trí Âm thanh viên hạng III

2.10. Vị trí Kỹ thuật dựng phim hạng III

2.11. Vị trí Phát thanh viên hạng III

2.12. Vị trí Quay phim viên hạng III

2.13. Vị trí An toàn thông tin hạng III

2.14. Vị trí Công nghệ thông tin hạng III

2.15. Vị trí Kỹ sư

2.16. Vị trí Tuyên truyền viên văn hóa

2.17. Vị trí Âm thanh viên hạng IV

2.18. Vị trí Kỹ thuật dựng phim hạng IV

2.19. Vị trí Phát thanh viên hạng IV

2.20. Vị trí Quay phim viên hạng IV

2.21. Vị trí An toàn thông tin hạng IV

2.22. Vị trí Công nghệ thông tin hạng IV

2.23. Vị trí Kỹ thuật viên

2.24. Vị trí Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp

**3. Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: 13 vị trí.**

3.1. Vị trí Chuyên viên chính về tổng hợp

3.2. Vị trí Kế toán viên chính

3.3. Vị trí Chuyên viên về tổng hợp

3.4. Vị trí Chuyên viên về hành chính – văn phòng

3.5. Vị trí Chuyên viên về truyền thông

3.6. Vị trí Cán sự về hành chính – văn phòng

3.7. Vị trí Kế toán trưởng

3.8. Vị trí Kế toán viên

3.9. Vị trí Kế toán viên trung cấp

3.10. Vị trí Văn thư viên

3.11. Vị trí Văn thư viên trung cấp

3.12. Vị trí Lưu trữ viên trung cấp

3.13. Vị trí nhân viên Thủ quỹ

**4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.**

4.1. Vị trí nhân viên Kỹ thuật

4.2. Vị trí nhân viên Lái xe

4.3. Vị trí nhân viên Phục vụ

*(Có Bản mô tả vị trí việc làm của từng vị trí đính kèm).*

## V. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

### 1. Tổng hợp vị trí việc làm

**a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý:**

| TT | Tên vị trí việc làm |
|---|---|
| 1 | Giám đốc |
| 2 | Phó Giám đốc |
| 3 | Trưởng phòng |

| TT | Tên vị trí việc làm |
|---|---|
| 4 | Phó Trưởng phòng |

**b) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành:**

| TT | Tên vị trí việc làm | Tương ứng chức danh nghề nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1. | Biên tập viên hạng II | Hạng II | |
| 2. | Phóng viên hạng II | Hạng II | |
| 3. | Công nghệ thông tin hạng II | Hạng II | |
| 4. | Kỹ sư chính | Hạng II | |
| 5. | Biên tập viên hạng III | Hạng III | |
| 6. | Phóng viên hạng III | Hạng III | |
| 7. | Biên dịch viên hạng III | Hạng III | |
| 8. | Đạo diễn truyền hình hạng III | Hạng III | |
| 9. | Âm thanh viên hạng III | Hạng III | |
| 10. | Kỹ thuật dựng phim hạng III | Hạng III | |
| 11. | Phát thanh viên hạng III | Hạng III | |
| 12. | Quay phim viên hạng III | Hạng III | |
| 13. | An toàn thông tin hạng III | Hạng III | |
| 14. | Công nghệ thông tin hạng III | Hạng III | |
| 15. | Kỹ sư | Hạng III | |
| 16. | Tuyên truyền viên văn hóa | Hạng III | |
| 17. | Âm thanh viên hạng IV | Hạng IV | |
| 18. | Kỹ thuật dựng phim hạng IV | Hạng IV | |
| 19. | Phát thanh viên hạng IV | Hạng IV | |
| 20. | Quay phim viên hạng IV | Hạng IV | |

| TT | Tên vị trí việc làm | Tương ứng chức danh nghề nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 21. | An toàn thông tin hạng IV | Hạng IV | |
| 22. | Công nghệ thông tin hạng IV | Hạng IV | |
| 23. | Kỹ thuật viên | Hạng IV | |
| 24. | Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp | Hạng IV | |

**c) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung:**

| TT | Tên vị trí việc làm | Tương ứng chức danh nghề nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1. | Chuyên viên chính về tổng hợp | Chuyên viên chính | |
| 2. | Kế toán viên chính | Kế toán viên chính | |
| 3. | Chuyên viên về tổng hợp | Chuyên viên | |
| 4. | Chuyên viên về hành chính – văn phòng | Chuyên viên | |
| 5. | Chuyên viên về truyền thông | Chuyên viên | |
| 6. | Cán sự về hành chính – văn phòng | Cán sự | |
| 7. | Kế toán trưởng (phụ trách kế toán) | Kế toán viên; Kế toán viên chính | |
| 8. | Kế toán viên | Kế toán viên | |
| 9. | Kế toán viên trung cấp | Kế toán viên trung cấp | |
| 10. | Văn thư viên | Văn thư viên | |
| 11. | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | |
| 12. | Lưu trữ viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | Kiêm nhiệm |
| 13. | Nhân viên Thủ quỹ | Văn thư viên trung cấp | Kiêm nhiệm |

**2. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tương ứng vị trí việc làm**

Căn cứ Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Văn bản số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức.

Trên cơ sở số lượng người được cấp có thẩm quyền giao, xác định tỷ lệ cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại Đài PTTH tỉnh Lạng Sơn[1] như sau:

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương[2]: 40 %

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống[3]: 60 %

---

[1] Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp không bao gồm viên chức quản lý

[2] Chức danh tương đương nghề nghiệp hạng II gồm: (Chuyên viên chính, Kế toán viên chính)

[3] Chức danh tương đương nghề nghiệp hạng III trở xuống gồm: (Chuyên viên, Kế toán viên, Văn thư viên, Cán sự, Văn thư viên trung cấp, kế toán trung cấp)